

Số: 2233 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2897/STNMT-VP ngày 31 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 32 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh) chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, công khai các thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh Ngô Hạnh Phúc;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh (NC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hạnh Phúc



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG CƠ QUAN
CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN
LÍ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH YÊN BÁI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2233 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan là thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch.
2	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	Quản lý đất đai	Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành có liên quan.
3	Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra	Tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành có liên quan.
4	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.	Tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành có liên quan.

5	Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi	Tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành có liên quan.
6	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước	Tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành có liên quan.
7	Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác	Khoáng sản	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan, tổ chức có liên quan.
8	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương	Khoáng sản	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan, tổ chức có liên quan.
9	Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Dữ liệu tài nguyên môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan, tổ chức có liên quan.
10	Di dời, phá dỡ mốc đo đạc	Đo đạc và bản đồ	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan, tổ chức có liên quan.
11	Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai; cơ quan, tổ chức có liên quan.

12	Tiêu huỷ thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc và bản đồ	Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai; cơ quan, tổ chức có liên quan.
13	Xét thăng hạng Địa chính viên hạng III	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
14	Xét thăng hạng Địa chính viên hạng II	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
15	Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
16	Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
17	Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thuỷ văn hạng III	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
18	Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thuỷ văn hạng II	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
19	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thuỷ văn hạng III	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
20	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thuỷ văn hạng II	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
21	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
22	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.

23	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
24	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nội vụ, viên chức đủ điều kiện.
25	Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan
26	Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan
27	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan
28	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan
29	Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan

30	Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan
31	Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan
32	Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.	Môi trường	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Phòng Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định;

Bước 2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến;

Bước 3: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp;

Bước 4: Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định và gửi thông báo kết quả thẩm định quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Bước 5: Trong thời hạn không quá 10 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường;

Bước 6: Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bước 7: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, rà soát và phê duyệt quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường và trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (Voffice)

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh về quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (dạng giấy và dạng số);

- Hệ thống bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy và dạng số);
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 55 ngày.
- **Đối tượng thực hiện:** Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan là thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch.
- **Kết quả thực hiện:** Quyết định phê duyệt quy hoạch/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.
- **Phí, lệ phí:** Không quy định.
- **Tên mẫu tờ trình, báo cáo thuyết minh:** Theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.
- **Căn cứ pháp lý quy định:**
 - + Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
 - + Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
 - + Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
 - + Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
 - + Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đầu quý IV hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định;

Bước 2. Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến các sở ngành có liên quan để lấy ý kiến.

Bước 3: Lấy ý kiến tham gia và tổng hợp ý kiến vào hồ sơ thẩm định kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (20 ngày)

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các sở ngành có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, gửi thông báo kết quả thẩm định kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ;

Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp danh mục các công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (không quy định ngày do phụ thuộc vào thời gian của kỳ họp).

Bước 5: Trong thời gian 10 ngày trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; hồ sơ sau khi hoàn thiện do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nộp, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, rà soát nếu đủ điều kiện sẽ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thực hiện xong trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Bước 6: Trong thời gian 05 ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tờ trình và hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị và phê duyệt Quyết định kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường và trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp (Voffice)

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

+ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Báo cáo thuyết minh về kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất;

+ Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy và dạng số);

+ Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 40 ngày (*không tính thời gian trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các công trình dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác*).

- **Đối tượng thực hiện:** Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành có liên quan.

- **Kết quả thực hiện:** Quyết định phê duyệt kế hoạch/điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- **Phí, lệ phí:** Không quy định.

- **Tên mẫu tờ trình, báo cáo thuyết minh:** Theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- **Căn cứ pháp lý quy định:**

+ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

+ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

+ Theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

3. Thủ tục: Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan liên quan đề xuất và tổ chức xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Bước 2: Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức liên quan về chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Khoản 2 Điều 6 Luật Tài nguyên nước năm 2023;

4. Thủ tục: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

4.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 2: Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo Kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh.

- Bước 4: Trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Dự thảo kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đối với Dự thảo.

- Bản photo các văn bản tham gia ý kiến.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g) Kết quả thực hiện TTHC: Kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Các Điều 9, 10 Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Các Điều 4,5,6,7,8 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

4.2. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Lấy ý kiến Sở, ngành, cơ quan có liên quan về kết quả nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật thông tin, dữ liệu, kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước vào hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Các Điều 4,5,6,7,8 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

5. Thủ tục: Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, đánh giá lập Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn cần điều chỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan về hồ sơ điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố quyết định điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình và dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất điều chỉnh;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất điều chỉnh;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất điều chỉnh;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản tham gia góp ý.

- Tài liệu khác có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Điểm đ khoản 2 Điều 39 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính Phủ.

6. Thủ tục: Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Căn cứ kịch bản nguồn nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông liên tỉnh thuộc phạm vi quản lý, xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Bước 2:

+ Sở Công Thương xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sản xuất điện.

+ Sở Xây dựng xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước để sản xuất cung cấp nước cho sinh hoạt thuộc phạm vi quản lý.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cấp cho sinh hoạt thuộc phạm vi quản lý.

+ Các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước của công trình khai thác nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan, tổ chức được UBND tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh Yên Bái.

h) Phí, lệ phí (nếu có): không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Điều 43 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

7. Thủ tục: Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương nơi có mỏ khoáng sản làm tờ trình đề xuất dự toán ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ nội dung đề xuất dự toán của địa phương tổng hợp, trình cơ quan chuyên môn thẩm định. Căn cứ vào kết quả thẩm định, cơ quan chuyên môn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

8. Thủ tục: Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự thảo Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Khoáng sản Việt Nam) về dự thảo Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

9. Thủ tục: Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

a) Trình tự thực hiện:

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).

Địa điểm tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái. Đường Nguyễn Văn Cừ, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Các bước thực hiện như sau:

+ **Bước 1:** Lập dự thảo kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (Cán bộ phòng Thông tin-Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái thực hiện).

+ **Bước 2:** Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, thành phố;

+ **Bước 3:** Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến của các Sở, ban, ngành UBND huyện, thị, thành phố;

Bước 3.1: Tổng hợp phiếu ý kiến, trình Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái xem xét (Cán bộ phòng Thông tin-Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái thực hiện).

Bước 3.2: Xem xét phiếu tổng hợp, giải trình (Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái).

+ **Bước 4:** Tờ trình đề nghị phê duyệt và Dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch lên cơ quan quản lý và ký duyệt Tờ trình (Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái và Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường).

+ **Bước 5:** Phát hành văn bản (Văn thư Sở tài nguyên và Môi trường).

+ **Bước 6:** Quyết định phê duyệt Kế hoạch điều tra thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (UBND tỉnh Yên Bái).

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần, số lượng hồ sơ trình UBND tỉnh:

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
- Tờ trình đề nghị phê duyệt Kế hoạch (bản chính);	Không	Bản chính: 01 Bản sao: 0

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
- Dự thảo Quyết định phê duyệt và dự thảo Kế hoạch;	Không	Bản chính: 01 Bản sao: 0

d) Tổng thời gian giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC: UBND tỉnh Yên Bái.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ; Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

10. Thủ tục: Di dời, phá dỡ mốc đo đạc

a) Trình tự thực hiện:

a.1) Đối với việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định sau đây:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức gửi văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc tới Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về việc di dời đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan giải quyết.

Bước 3: Khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật - dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thiết kế kỹ thuật - dự toán tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; sau khi nhận được văn bản thẩm định của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện thiết kế kỹ thuật - dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Bước 4: Sau khi thiết kế kỹ thuật - dự toán về việc di dời mốc đo đạc được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc có trách nhiệm chuyển kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc.

Bước 5: Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất có liên quan; biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hàng lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa theo Mẫu số 03 Phụ lục I, kèm theo sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hàng lang bảo vệ mốc đo đạc theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

a.2) Đối với việc di dời mốc đo đạc khi giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định sau đây:

Bước 1: Cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật – dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai có trách nhiệm chuyển kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc.

Bước 3: Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất có liên quan; biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa theo Mẫu số 03 Phụ lục I, kèm theo sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

a.3) Đối với việc di dời mốc đo đạc do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí được thực hiện như sau:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức được giao quản lý mốc tại địa phương gửi văn bản báo cáo về việc mốc đo đạc bị mất, hư hỏng, thay đổi vị trí do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên tới Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo thiết kế kỹ thuật - dự toán đã phê duyệt cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường phải tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc.

Bước 4: Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất có liên quan; biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa theo Mẫu số 03 Phụ lục I, kèm theo sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

Cơ quan quản lý mốc đo đạc chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình, tổ chức triển khai thực hiện việc di dời sau khi được phê duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản về việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp 1: Việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được kinh phí thực hiện từ cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc.

- Trường hợp 2: Việc di dời mốc đo đạc khi giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được kinh phí thực hiện từ cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc.

- Trường hợp 3: Việc di dời mốc đo đạc do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan.

g) Cơ quan giải quyết TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ/ Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa theo Mẫu số 03 Phụ lục I, kèm theo sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019; Danh sách kèm theo sơ đồ vị trí mốc đo đạc theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019. Hồ sơ, kết quả xây dựng mốc đo đạc theo quy định của đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019.

(Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo tại Phụ lục kèm theo)

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc, trạm định vị vệ tinh được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

+ Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh mà công trình hạ tầng đo đạc không thể tiếp tục duy trì sự tồn tại hoặc không hoạt động bình thường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật;

+ Do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai làm mất, hư hỏng và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí mốc đo đạc;

+ Hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng hoặc đã có công trình hạ tầng đo đạc khác thay thế.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC

+ Luật Đo đạc và Bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018;

+ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

+ Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

+ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO**Hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa**

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., Tại..... (xã/phường/thị trấn) ...
 (thành Phố/quận/huyện) (tỉnh/thành phố)

Chúng tôi gồm:

Chủ đầu tư (Bên giao)

- Đại diện chủ đầu tư: Chức vụ:.....

- Đại diện đơn vị thi công: Chức vụ.....

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn (Bên nhận):

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:.....

Người chứng kiến:

Tên chủ sử dụng đất (1):..... Số CMND/căn cước công dân.....

Tên chủ sử dụng đất (2):..... Số CMND/căn cước công dân.....

Đã tiến hành bàn giao hiện trạng mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc tại thực địa cho Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... với sự có mặt của chủ sử dụng đất có liên quan, cụ thể như sau.

1. Số hiệu mốc đo đạc.....

2. Vị trí mốc đo đạc được đặt tại..... liên quan đến các thửa đất số..... thuộc tờ bản đồ địa chính số..... thuộc quyền sử dụng đất của các ông/bà (1), (2).....

Sơ đồ vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc (lập theo Mẫu số 04 kèm theo Nghị định này).

Ủy ban nhân dân xã..... có trách nhiệm công khai vị trí mốc đo đạc, hành lang bảo vệ mốc đo đạc để các tổ chức, cá nhân biết để bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Biên bản này được đọc cho mọi người tham dự cùng nghe và được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau; 01 bản giao cho Ủy ban nhân dân xã.....; mỗi chủ sử dụng đất có liên quan giữ 01 bản; chủ đầu tư giữ 03 bản.

BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

BÊN NHẬN

CHỦ TỊCH UBND XÃ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT
(Ký, họ tên)

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐC ĐO ĐẶC, HÀNH LANG BẢO VỆ MỐC ĐO ĐẶC⁽¹⁾

1. Số hiệu mốc đo đặc.....; loại mốc đo đặc: (tọa độ, độ cao, trọng lực), cấp hạng mốc đo đặc

Kinh độ:.....

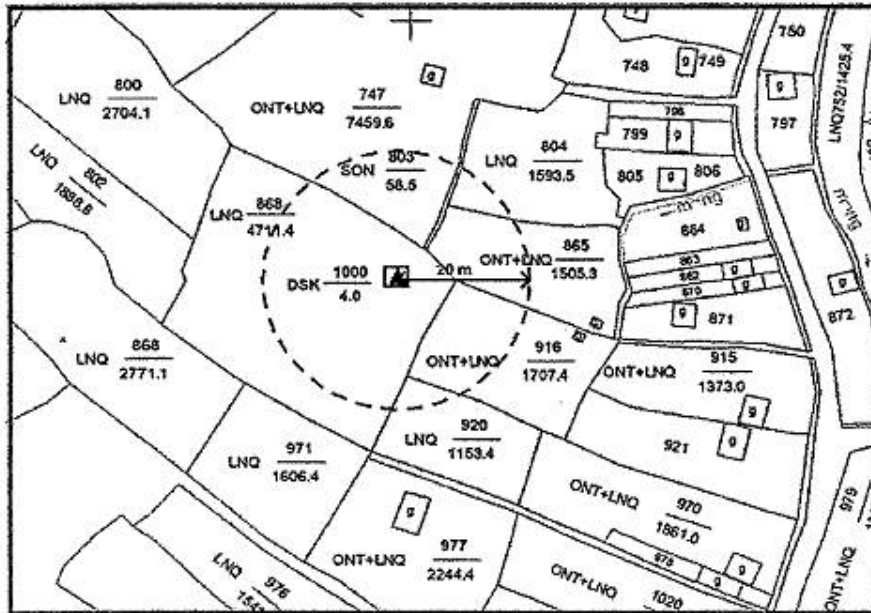
Vĩ độ:.....

2. Vị trí mốc đo đặc được đặt tại..... liên quan đến các thửa đất số..... thuộc tờ bản đồ địa chính số.....

3. Các chủ sử dụng đất liên quan:.....

Diện tích đất xây dựng mốc đo đặc..... m²;

Phạm vi hành lang bảo vệ mốc đo đặc: (bán kính tính từ tâm mốc theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 đối với từng loại mốc);



(Kích thước sơ đồ tối thiểu là 14 cm x 14 cm)

NGƯỜI LẬP SƠ ĐỒ
(Ký, họ và tên)

....., ngày tháng năm

ĐƠN VỊ THI CÔNG

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ....

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Được lập trên bản trích lục bản đồ địa chính hoặc trích lục bản trích đo địa chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
BÀN GIAO DANH SÁCH MỐC ĐO ĐẠC

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại: ⁽¹⁾(tỉnh/thành phố).....

Chúng tôi gồm:

Chủ đầu tư (Bên giao)

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:.....

Sở Tài nguyên và Môi trường (Bên nhận):

Đại diện là ông/bà:..... Chức vụ:.....

Đã tiến hành bàn giao danh sách mốc đo đạc trên địa bàn tỉnh/thành phố....., cụ thể như sau:

1. Danh sách mốc đo đạc

STT	Số hiệu mốc	Cấp hạng	Nơi đặt mốc (Tên đơn vị hành chính cấp xã)
1			
2			
3			
...			

2. Sơ đồ vị trí mốc đo đạc

Tổng số có sơ đồ vị trí mốc đo đạc tương ứng với danh sách mốc đo đạc.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 02 bản; cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giữ 02 bản./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC
UBND CẤP TỈNH**
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

11. Thủ tục: Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

a) Trình tự thực hiện:

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).

+ Địa điểm tiếp nhận: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái, Tổ 8, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Bước 1: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh có Kế hoạch (văn bản thông báo) cho các phòng chuyên môn, các Chi cục và các đơn vị sự nghiệp của Sở Kế hoạch nộp lưu hồ sơ tài liệu và Danh mục tài liệu giao nộp thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Bước 2: Tiếp nhận thông tin và lập biên bản tiếp nhận thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (Cán bộ phòng Thông tin- Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái thực hiện theo Kế hoạch tiếp nhận).

Bước 3: Kiểm tra, chỉnh lý nhận thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ và đưa vào lưu trữ (Cán bộ phòng Thông tin- Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái thực hiện, không xác định thời gian, cho đến khi công việc kết thúc).

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện theo nghiệp vụ công tác lưu trữ quy định tại Luật Lưu trữ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ giao nộp để lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường bao gồm danh mục được quy định tại các điểm a, c, d, đ và i khoản 2 Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tổ 8, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái).

g) Cơ quan giải quyết TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 06 Phụ lục I: Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để lưu theo quy định. Sản phẩm giao nộp phải được cấp có thẩm quyền kiểm tra, đảm bảo chất lượng, quy cách sản phẩm theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành giao nộp vào lưu trữ cơ quan.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

BÀN GIAO THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại: (trụ sở đơn vị tiếp nhận),

chúng tôi gồm:

BÊN GIAO:

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

BÊN NHẬN:

Đại diện là ông (bà):

Chức vụ:

Đã thực hiện việc giao - nhận thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của dự án (đề án), cụ thể như sau:

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

12. Thủ tục: Tiêu hủy thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ.

a) Trình tự thực hiện:

+ Thời gian thực hiện hồ sơ: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trừ ngày lễ, ngày nghỉ).

+ Địa điểm thực hiện: Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tổ 8, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái).

+ Bước 1: Lập danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ hết giá trị sử dụng của cơ quan tổ chức lưu trữ gửi cơ quan quản lý (Cán bộ phòng Thông tin- Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái).

+ Bước 2: Tờ trình đề nghị tiêu hủy thông tin dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ (Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái).

+ Bước 3: Cơ quan quản lý có văn bản chấp nhận về việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, bằng văn bản (Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái).

+ Bước 4: Quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (gồm: Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Lãnh đạo của cơ quan, đơn vị có danh mục tài liệu tiêu hủy, Cán bộ phòng Thông tin- Lưu trữ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Thư ký Hội đồng. (Sở Tài nguyên và Môi trường).

+ Bước 5: Biên bản xác định giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của Hội đồng tiêu hủy tài liệu thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ. (Hội đồng tiêu hủy tài liệu).

+ Bước 6: Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị cần tiêu hủy theo quy định của Pháp Luật về lưu trữ (Sở Tài nguyên và Môi trường).

+ Bước 7: Văn bản thẩm định của cơ quan quản lý Nhà nước về lưu trữ (Sở Nội vụ);

+ Bước 8: Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của cơ quan quản lý (Sở Tài nguyên và Môi trường).

+ Bước 9: Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (Sở Tài nguyên và Môi trường và Đơn vị tiêu hủy tài liệu).

+ Bước 10: Biên bản tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (Sở Tài nguyên và Môi trường và Đơn vị tiêu hủy tài liệu).

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện quy định về tiêu hủy tài liệu quy định tại Luật Lưu trữ và Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

d) Thời hạn thực hiện: không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định tiêu hủy, Danh mục tài liệu tiêu hủy, Biên bản tiêu hủy tài liệu.

i) Phí, lệ phí (nếu có): không quy định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Khoản 10 Điều 18 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ quy định thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công thuộc lưu trữ cơ quan được tiêu hủy khi đã lưu trữ ít nhất là 10 năm, đã có thông tin, dữ liệu sản phẩm mới thay thế và không còn giá trị sử dụng.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 19 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

13. Thủ tục: Xét thăng hạng Địa chính viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng và phê duyệt đề án xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả xét thăng hạng, Sở Nội vụ ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh địa chính viên hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh Yên Bái, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan giải quyết TTHC:

+ *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND Tỉnh, Sở Nội vụ.

+ *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Cơ quan phối hợp:* Không

e) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh địa chính viên hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- **Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.**

14. Thủ tục: Xét thăng hạng Địa chính viên hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án tổng hợp danh sách, nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Địa chính viên hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II gửi Sở Nội vụ để xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình UBND tỉnh thẩm định.

Bước 3: UBND tỉnh thẩm định, tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển xét thăng hạng, UBND tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh địa chính viên hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh địa chính viên hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

15. Thủ tục: Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng và phê duyệt đề án xét thăng hạng chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả xét thăng hạng, Sở Nội vụ ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh Yên Bái, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan giải quyết TTHC:

+ *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND Tỉnh, Sở Nội vụ.

+ *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Cơ quan phối hợp:* Không

e) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

16. Thủ tục: Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án tổng hợp danh sách, nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Nội vụ để xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình UBND tỉnh thẩm định.

Bước 3: UBND tỉnh thẩm định, tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển xét thăng hạng, UBND tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

17. Thủ tục: Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng và phê duyệt đề án xét thăng hạng chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả xét thăng hạng, Sở Nội vụ ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo viên khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh Yên Bái, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan giải quyết TTHC:

+ *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND Tỉnh, Sở Nội vụ.

+ *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Cơ quan phối hợp:* Không

e) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo viên khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

18. Thủ tục: Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án tổng hợp danh sách, nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức Danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Nội vụ để xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình UBND tỉnh thẩm định.

Bước 3: UBND tỉnh thẩm định, tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển xét thăng hạng, UBND tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo viên khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo viên khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

19. Thủ tục: Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng và phê duyệt đề án xét thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả xét thăng hạng, Sở Nội vụ ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh Yên Bái, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan giải quyết TTHC:

+ *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND Tỉnh, Sở Nội vụ.

+ *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Cơ quan phối hợp:* Không

e) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

20. Thủ tục: Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án tổng hợp danh sách, nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II gửi Sở Nội vụ để xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình UBND tỉnh thẩm định.

Bước 3: UBND tỉnh thẩm định, tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển xét thăng hạng, UBND tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

21. Thủ tục: Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng và phê duyệt đề án xét thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả xét thăng hạng, Sở Nội vụ ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh Yên Bái, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan giải quyết TTHC:

+ *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND Tỉnh, Sở Nội vụ.

+ *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Cơ quan phối hợp:* Không

e) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#);

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

22. Thủ tục: Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án tổng hợp danh sách, nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II gửi Sở Nội vụ để xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình UBND tỉnh thẩm định.

Bước 3: UBND tỉnh thẩm định, tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển xét thăng hạng, UBND tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

đ) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

23. Thủ tục: Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng đề án và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng và phê duyệt đề án xét thăng hạng chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III; Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả xét thăng hạng, Sở Nội vụ ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

d) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh Yên Bái, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan giải quyết TTHC:

+ *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND Tỉnh, Sở Nội vụ.

+ *Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:* Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ *Cơ quan phối hợp:* Không

e) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

24. Thủ tục: Xét thăng hạng đo đạc bản đồ viên hạng II.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh đo đạc bản đồ viên hạng II gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án tổng hợp danh sách, nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình UBND tỉnh thẩm định.

Bước 3: UBND tỉnh thẩm định, tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Sau khi có kết quả trúng tuyển xét thăng hạng, UBND tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp và Trực tuyến (Qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xét thăng hạng đối với chức danh đo đạc bản đồ viên hạng II kèm theo đề án và danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh đo đạc bản đồ viên hạng II;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng: Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

+ Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không

h) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định bổ nhiệm chức danh đo đạc bản đồ viên hạng II và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

- Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tỉnh Yên Bái.

25. Thủ tục: Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

- Bước 3: Lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan về dự thảo Đề cương nhiệm vụ, dự toán xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 4: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo Đề cương nhiệm vụ, dự toán xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 5: Trình Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) thẩm định Đề cương nhiệm vụ, dự toán xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 6: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) và hoàn thiện Đề cương nhiệm vụ, dự toán xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 7: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Đề cương nhiệm vụ, dự toán xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 8: Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

- Bước 9: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sản phẩm Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, địa phương và cơ quan tổ chức có liên quan

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 9 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

26. Thủ tục: Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng thảo kế hoạch hành động, lấy ý kiến của sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan về kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn quy định tại khoản 4 Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐCP.

- Bước 4: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan và hoàn thiện dự thảo kế hoạch hành động.

- Bước 5: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan tổ chức có liên quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 3 Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

27. Thủ tục: Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, xây dựng phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân xã trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, thẩm định phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn tổ chức thẩm định; xin ý kiến các sở, ban, ngành có liên quan (nếu có)

- Bước 4: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tổng hợp kết quả thẩm định; tổng hợp các ý kiến các sở, ban, ngành có liên quan (nếu có) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện phương án

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình, hoàn thiện phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Bước 6: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xem xét, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề.

- Bước 7: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện Phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề đã được phê duyệt

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Ủy ban nhân dân huyện giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn và cơ quan tổ chức có liên quan

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 2 Điều 33 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

28. Thủ tục: Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan về dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) thẩm định đề cương nhiệm vụ, dự toán.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) và hoàn thiện dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

- Bước 8: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 9: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, địa phương và cơ quan tổ chức có liên quan
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

29. Thủ tục: Ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản gửi các địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thống kê các đối tượng là vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý phải xác định vị trí, ranh giới.

- Bước 3: Rà soát, đối chiếu, tổng hợp danh sách các đối tượng là vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý phải xác định vị trí, ranh giới.

- Bước 4: Xin ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan về dự thảo Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

- Bước 5: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

- Bước 6: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

- Bước 7: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, địa phương và cơ quan tổ chức có liên quan

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC: Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

30. Thủ tục: Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch điều tra, khảo sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán thực hiện điều tra, khảo sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

- Bước 3: Lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán Kế hoạch điều tra, khảo sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

- Bước 4: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan và hoàn thiện dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán.

- Bước 5: Trình Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) thẩm định dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán.

- Bước 6: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) và hoàn thiện dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán

- Bước 7: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán thực hiện kế hoạch điều tra, khảo sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

- Bước 8: Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 9: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, địa phương và cơ quan tổ chức có liên quan

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

31. Thủ tục: Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán thực hiện điều tra, rà soát các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý

- Bước 3: Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán thực hiện điều tra, rà soát các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

- Bước 4: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán.

- Bước 5: Trình Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) thẩm định dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán.

- Bước 6: Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) và hoàn thiện dự dự thảo đề cương nhiệm vụ, dự toán

- Bước 7: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán thực hiện điều tra, rà soát các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý

- Bước 8: Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện nhiệm vụ

- Bước 9: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, địa phương và cơ quan tổ chức có liên quan

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điểm b khoản 5 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

32. Thủ tục: Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản gửi các địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức rà soát, thống kê các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Bước 3: Tổng hợp danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Bước 4: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phê duyệt danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời gian thực hiện: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, địa phương và cơ quan tổ chức có liên quan

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 5 Điều 52 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.